

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng
công trình Đường Vạn Thiện đi Bến En**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 395/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án, số 47/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2021 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đường Vạn Thiện đi Bến En;

Căn cứ Quyết định số 4166/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Đường Vạn Thiện đi Bến En;

Căn cứ Công văn số 414/BGTVT-CQLXD ngày 14/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh điểm đầu nối đường Vạn Thiện - Bến En với tuyến nhánh nối Quốc lộ 45 với đường Nghi Sơn - Thọ Xuân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 787/TTr-SGTVT ngày 23/02/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đường Vạn Thiện đi Bến En; kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 770/SGTVT-TĐKHKT ngày 22/02/2022 và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh Dự án Đường Vạn Thiện đi Bến En.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường Vạn Thiện đi Bến En với những nội dung chủ yếu sau:

I. Khái quát dự án được phê duyệt

Dự án đầu tư Đường Vạn Thiện đi Bến En được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4166/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 với quy mô: chiều dài 12,0km, đường cấp III đồng bằng theo TCVN4054:2005, đảm bảo quy mô 04 làn xe, vận tốc thiết kế $V_{tk}=80\text{km/h}$; tổng mức đầu tư 1.181 tỷ đồng; nguồn vốn từ ngân sách Trung ương 920 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 261 tỷ đồng; Chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông số 2 Thanh Hóa (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa); Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định; UBND các huyện: Nông Cống, Như Thanh làm Chủ đầu tư tiêu dự án GPMB đoạn qua địa phận do mình quản lý.

II. Lý do điều chỉnh

Nhằm tăng khả năng quảng bá hình ảnh du lịch Thanh Hoá cũng như quần thể Khu du lịch Bến En, thu hút du khách cũng như các nhà đầu tư đến với Thanh Hóa thông qua việc bố trí biểu tượng nhận diện ở đầu tuyến của dự án gần với tầm nhìn từ tuyến đường cao tốc Bắc - Nam và tăng khả năng thông hành cho các phương tiện giao thông từ đường cao tốc đi về các huyện Nông Cống, Như Thanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đặc biệt là phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Đây là yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án nên việc điều chỉnh dự án đầu tư, trong đó điều chỉnh điểm đầu tuyến dịch chuyển gần về phía đường bộ cao tốc để tạo điều kiện thuận lợi kết nối là phù hợp với quy định của pháp luật và được Bộ Giao thông vận tải thống nhất tại Công văn số 414/BGTVT-CQLXD ngày 14/01/2022 về điều chỉnh điểm đầu nối đường Vạn Thiện - Bến En với tuyến nhánh nối Quốc lộ 45 với đường Nghi Sơn - Thọ Xuân, dự án thành phần đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn; UBND tỉnh giao triển khai tại Công văn số 910/UBND-CN ngày 18/01/2022.

III. Nội dung điều chỉnh

1. Điều chỉnh một số mục của Điều 1 Quyết định số 4166/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 như sau:

a) Mục 5. Quy mô đầu tư xây dựng: từ “Đầu tư xây dựng mới 12,0Km” thành “Đầu tư xây dựng mới 12,19Km”.

b) Mục 6.1. Bình đồ tuyến: từ “Toàn tuyến có 07 đường cong” thành “Toàn tuyến có 08 đường cong”

c) Mục 6.9. Nút giao: Bổ sung nội dung: “Bổ sung khoảng 86m đường để kết nối nút giao đầu tuyến với nhánh N6 (ra, vào trạm thu phí đường cao tốc) đảm bảo 04 làn xe với $B_n=24m$; $B_m=22m$. Kết cấu áo đường trong nút giao và nhánh N6 như kết cấu chung của tuyến”.

d) Mục 6.10. Đường ngang: Bổ sung nội dung: “Bổ trí 01 đường gom dân sinh phía bên trái tuyến hướng đi nhánh N6 để kết nối với đường gom của dự án đường cao tốc, điểm đầu tại đường ngang Km0+272, điểm cuối kết nối với đường dân sinh tại vị trí sau trạm thu phí dự án đường cao tốc, chiều dài khoảng 333m; bề rộng nền đường $B_n=5m$; bề rộng mặt đường $B_m=3m$; mặt đường bằng BTXM M300 (đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp B theo TCVN 11830:2014)”.

đ) Mục 7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng: từ “Diện tích đất sử dụng: khoảng 45 ha” thành “Diện tích đất sử dụng: khoảng 48,5 ha”.

e) Mục 10. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: **1.181.000.000.000 đồng** (Một nghìn một trăm tám mươi một tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC: 332.633.000.000 đồng
- Chi phí xây dựng: 720.522.705.000 đồng
- Chi phí thiết bị: 3.711.771.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 8.758.544.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 20.940.182.000 đồng
- Chi phí khác: 30.076.010.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 64.357.788.000 đồng”.

(chi tiết có phụ biểu Tổng mức đầu tư điều chỉnh kèm theo)

2. Các nội dung khác: giữ nguyên theo Quyết định số 4166/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hoá, UBND các huyện: Nông Cống, Như Thanh tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng.

Trong quá trình thực hiện, có trách nhiệm thực hiện các ý kiến của Bộ Giao thông vận tải tại Công văn số 414/BGTVT-CQLXD ngày 14/01/2022 về việc điều chỉnh điểm đầu nối đường Vạn Thiện - Bến En với tuyến nhánh nối Quốc lộ 45 với đường Nghi Sơn - Thọ Xuân, dự án thành phần đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn, của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 910/UBND-CN ngày 19/01/2022

về việc giao triển khai điều chỉnh điểm đầu nối đường Vạn Thiện - Bến En với tuyến nhánh nối Quốc lộ 45 với đường Nghi Sơn - Thọ Xuân và của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 770/SGTVT-TĐKHKT ngày 22/02/2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Nông Cống, Như Thanh; Giám đốc Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hoá và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đề b/c) ;
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

**PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐIỀU CHỈNH
DỰ ÁN: ĐƯỜNG VẠN THIỆN ĐI BẾN EN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2022 của Chủ tịch UBND Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng

TT	Hạng mục chi phí	TMDT đã duyệt	TMDT điều chỉnh	Tăng (+), giảm (-)
I	Bồi thường, hỗ trợ và TĐC	329.838.000.000	332.633.000.000	2.795.000.000
II	Xây dựng	662.579.992.000	720.522.705.000	57.942.713.000
III	Thiết bị	3.701.526.000	3.711.771.000	10.245.000
IV	Quản lý dự án	8.191.779.000	8.758.544.000	566.765.000
V	Tư vấn đầu tư xây dựng	20.522.964.000	20.940.182.000	417.218.000
1	Khảo sát, lập BCNCKT, hồ sơ cấm cọc GPMB, MLG	2.760.000.000	2.760.000.000	0
2	Khảo sát lập thiết kế BVTC	1.922.126.000	1.989.021.000	66.895.000
3	Thiết kế BVTC và dự toán	6.475.059.000	6.469.528.000	-5.531.000
4	Lập nhiệm vụ khảo sát	95.847.000	92.429.000	-3.418.000
-	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	<i>38.183.000</i>	<i>38.183.000</i>	<i>0</i>
-	<i>Bước thiết kế BVTC</i>	<i>57.664.000</i>	<i>54.246.000</i>	<i>-3.418.000</i>
5	Giám sát khảo sát	127.283.000	123.057.000	-4.226.000
-	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	<i>51.367.000</i>	<i>51.367.000</i>	<i>0</i>
-	<i>Bước thiết kế BVTC</i>	<i>75.916.000</i>	<i>71.690.000</i>	<i>-4.226.000</i>
6	Chi phí thẩm tra	897.237.000	892.731.000	-4.506.000
-	<i>Thẩm tra Báo cáo NCKT</i>	<i>229.476.000</i>	<i>229.476.000</i>	<i>0</i>
-	<i>Thẩm tra thiết kế xây dựng</i>	<i>290.794.000</i>	<i>563.255.000</i>	<i>-4.506.000</i>
-	<i>Thẩm tra dự toán xây dựng</i>	<i>276.967.000</i>		
-	<i>Thẩm tra ATGT</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>	<i>0</i>
7	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT	244.165.000	246.312.000	2.147.000
-	<i>Gói thầu xây lắp</i>	<i>195.177.000</i>	<i>197.104.000</i>	<i>1.927.000</i>
-	<i>Gói thầu mua sắm thiết bị</i>	<i>11.179.000</i>	<i>11.210.000</i>	<i>31.000</i>
-	<i>Các gói thầu tư vấn</i>	<i>37.809.000</i>	<i>37.998.000</i>	<i>189.000</i>
8	Chi phí giám sát thi công	6.913.449.000	7.275.204.000	361.755.000
8.1	<i>Giám sát thi công xây dựng</i>	<i>6.840.485.000</i>	<i>7.200.044.000</i>	<i>359.559.000</i>
8.2	<i>Giám sát lắp đặt thiết bị</i>	<i>29.723.000</i>	<i>29.806.000</i>	<i>83.000</i>
8.3	<i>Giám sát thi công RPBM, vật nổ</i>	<i>43.241.000</i>	<i>45.354.000</i>	<i>2.113.000</i>
9	Khảo sát, lập phương án, báo cáo kết quả khảo sát RPBM, vật nổ	67.500.000	70.800.000	3.300.000
10	Quan trắc và giám sát môi trường	200.000.000	200.000.000	0
11	Cấm cọc GPMB và mốc lộ giới	512.612.000	512.612.000	0
12	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu xây lắp	137.837.000	138.544.000	707.000
13	Thẩm định HSMT và KQLCNT ĐT các gói thầu tư vấn	18.904.000	18.999.000	95.000
14	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	150.945.000	150.945.000	0

TT	Hạng mục chi phí	TMDT đã duyệt	TMDT điều chỉnh	Tăng (+), giảm (-)
VI	Chi phí khác	29.380.395.000	30.076.010.000	695.615.000
1	Chi phí kiểm toán	1.669.202.000	1.341.057.000	-328.145.000
2	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	285.552.000	230.798.000	-54.754.000
3	Bảo hiểm xây dựng công trình	2.049.678.000	2.149.413.000	99.735.000
4	Thẩm định Báo cáo NCKT	33.850.000	33.850.000	0
5	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	38.599.000	40.333.000	1.734.000
6	Thẩm định dự toán xây dựng	36.935.000	38.620.000	1.685.000
7	Thi công rà phá bom mìn, vật nổ	1.350.000.000	1.416.000.000	66.000.000
8	Thuế tài nguyên, phí BVMT	3.209.870.000	3.421.047.000	211.177.000
9	Trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất	400.000.000	400.000.000	0
10	Các chi phí khác	20.306.709.000	21.004.892.000	698.183.000
-	<i>Hoàn trả hạ tầng kỹ thuật</i>	<i>18.084.831.000</i>	<i>18.747.022.000</i>	<i>662.191.000</i>
-	<i>Đường dây, TBA phục vụ thi công</i>	<i>1.324.230.000</i>	<i>1.324.230.000</i>	<i>0</i>
-	<i>Chi phí nền móng trạm trộn BTXM</i>	<i>897.648.000</i>	<i>933.640.000</i>	<i>35.992.000</i>
VII	Dự phòng	126.785.344.000	64.357.788.000	-62.427.556.000
1	Dự phòng khối lượng	99.257.392.922	35.199.710.934	-64.057.681.988
2	Dự phòng trượt giá	27.527.951.078	29.158.077.066	1.630.125.988
	Tổng cộng	1.181.000.000.000	1.181.000.000.000	0